

Số: 18/NQ-HĐND

Nam Trà My, ngày 05 tháng 8 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**  
**Thông qua Đề án Sắp xếp, bố trí lại dân cư**  
**trên địa bàn huyện Nam Trà My giai đoạn 2016-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRÀ MY**  
**KHOÁ XI - KỶ HỌP THỨ 2**  
**(Từ ngày 04/8/2016 đến ngày 05/8/2016)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020”; Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 11/5/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt tổng thể định hướng phát triển kinh tế-xã hội huyện Nam Trà My, giai đoạn đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 157/TTr-UBND ngày 26/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My về việc thông qua Đề án Sắp xếp, bố trí lại dân cư trên địa bàn huyện Nam Trà My giai đoạn 2016-2025; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án Sắp xếp, bố trí lại dân cư trên địa bàn huyện Nam Trà My giai đoạn 2016-2025, với một số nội dung chủ yếu như sau:

**1. Mục tiêu**

Thực hiện quy hoạch và sắp xếp lại dân cư trên địa bàn huyện nhằm ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân, xóa bỏ tình trạng du canh du cư, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố quốc phòng – an ninh địa phương. Phần đầu đến năm 2025, toàn huyện còn lại 115 khu dân cư tập trung cơ bản được đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu.

**2. Các nội dung thực hiện**

2.1. Tập trung hoàn thành Quy hoạch phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp và bố trí dân cư huyện Nam Trà My, giai đoạn 2015 - 2025 (Đề cương nhiệm vụ và dự toán quy hoạch đã được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt tại Quyết định số 4156/QĐ-UBND ngày 27/12/2014).

2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân

2.3. Lập dự án và đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu tại từng khu dân cư

Tổng số điểm dân cư hiện tại là 224 điểm. Dự kiến trong giai đoạn từ 2016 đến 2025 sẽ sắp xếp, bố trí lại còn 115 điểm dân cư, trong đó:

- Duy trì 41 khu dân cư hiện trạng có điều kiện thuận lợi (dân cư tập trung đông, đã có đường giao thông kết nối hoặc gần các trục đường chính, đảm bảo diện tích và một số cơ sở hạ tầng khác): Nhà nước đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu, mở rộng diện tích đồng thời vận động một số hộ từ các nơi khác về định cư theo hình thức xen ghép.

- Đối với 183 khu dân cư còn lại, thực hiện ghép khu bằng việc làm đường giao thông kết nối giữa các khu. Trường hợp các khu có điều kiện quá khó khăn hoặc có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai thì tiến hành vận động di dời về nơi ở mới có điều kiện thuận lợi.

- Vận động các hộ dân di chuyển về sinh sống tại các khu vực cạnh đường giao thông theo từng nhóm nhỏ để từng bước hình thành các điểm dân cư ven đường.

2.4. Các chính sách hỗ trợ khác: Hỗ trợ di chuyển; Hỗ trợ khai hoang, phục hóa; Hỗ trợ phát triển sản xuất. Ngoài ra, tạo điều kiện để các hộ dân được tiếp cận vay vốn tín dụng ưu đãi tại ngân hàng chính sách xã hội để phát triển sản xuất, đầu tư mua sắm các trang thiết bị, công cụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

### 3. Dự toán kinh phí và nguồn vốn

3.1. Tổng dự toán kinh phí thực hiện Đề án là **1.267.760** triệu đồng (*Một ngàn, hai trăm sáu mươi bảy tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng*), trong đó:

a) Vốn đầu tư: **1.117.800** triệu đồng.

b) Vốn sự nghiệp: **149.960** triệu đồng.

3.2. Nguồn vốn thực hiện: Vốn chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị quyết 30a/CP, Chương trình 135, xây dựng nông thôn mới); vốn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW (Quyết định 755/TTg, Quyết định 1776/TTg ...); vốn trái phiếu Chính phủ (chương trình KCH trường lớp học theo Quyết định số 1625/QĐ-TTg ngày 11/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ); vốn Tập đoàn Điện lực Việt Nam; vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ (chương trình bê tông hóa GTNT, KCH kênh mương, thủy lợi nhỏ, thủy lợi hóa đất màu ...); vốn ngân sách địa phương (nguồn XD CB tập trung, tăng thu thuế tài nguyên thủy điện, khai thác quỹ đất, tăng thu, vượt thu ...); vốn huy động đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**4. Lộ trình thực hiện:** Từ 2016-2025 như sau:

4.1. Năm 2016

Hoàn thành, trình cấp thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp và bố trí dân cư huyện Nam Trà My, giai đoạn 2015 - 2025.

Xúc tiến triển khai 10 khu dân cư.

4.2. Năm 2017: Triển khai 12 khu dân cư.

4.3. Năm 2018: Triển khai 13 khu dân cư.

4.4. Năm 2019: Triển khai 13 khu dân cư.

4.5. Năm 2020: Triển khai 12 khu dân cư.

4.6. Năm 2021: Triển khai 13 khu dân cư.

4.7. Năm 2022: Triển khai 12 khu dân cư.

4.8. Năm 2023: Triển khai 11 khu dân cư.

4.9. Năm 2024: Triển khai 10 khu dân cư.

4.10. Năm 2025: Triển khai 09 khu dân cư còn lại.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư hợp lý Đề án đã được HĐND huyện thông qua và chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Nam Trà My khoá XI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 05 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày HĐND huyện thông qua./.

*Nơi nhận:*

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo Tỉnh;
- Đại biểu HĐND huyện;
- TVHU, UBND, UBMTTQVN huyện;
- HĐND&UBND các xã;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- Lưu VT.



**Lê Thanh Hưng**